



SỞ TÀI CHÍNH TỈNH VINH LONG  
THANH TRA TÀI CHÍNH



## KẾT LUẬN THANH TRA

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS - THPT TRƯNG VƯƠNG  
TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VINH LONG

**Tháng 6 năm 2016**



Số: 36/KL.TTr

Vinh Long, ngày 9 tháng 6 năm 2016

### **KẾT LUẬN THANH TRA**

**Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trưng Vương  
trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vinh Long**

Thực hiện Quyết định Thanh tra số 10/QĐ-TTr ngày 07/3/2016 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Vinh Long về việc thanh tra công tác quản lý và quyết toán tài chính tại đơn vị Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trưng Vương trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vinh Long.

Đoàn thanh tra Sở Tài chính đã tiến hành thanh tra công tác quản lý và quyết toán tài chính tại Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trưng Vương trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vinh Long từ ngày 10/3/2016, kết thúc ngày 29/4/2016.

Căn cứ vào báo cáo kết quả thanh tra ngày 17/5/2016 của Trường Đoàn thanh tra về việc thanh tra công tác quản lý và quyết toán tài chính tại đơn vị Trường THCS và THPT Trưng Vương thuộc Sở Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vinh Long. Thanh tra Sở Tài chính kết luận như sau:

#### **PHẦN I: KHÁI QUÁT CHUNG**

Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trưng Vương được UBND tỉnh Vinh Long Quyết định thành lập tại Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 trên cơ sở Trường phổ thông trung học cấp 2+3 Trưng Vương (trước đây do Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập tại Quyết định số 09/QĐ-SGD-ĐT ngày 01/9/2000).

##### **1. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học:**

Trường trung học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường trung học có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông giành cho cấp THCS và cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.
- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình và học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.
- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.
- Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**2. Về bộ máy và biên chế cán bộ của trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trưng Vương:**

- Tổ chức bộ máy của trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trưng Vương:

+ Ban giám hiệu gồm: Hiệu trưởng và 03 Hiệu phó;

+ 08 tổ chuyên môn gồm: tổ Toán; tổ Lý; tổ Hóa; tổ Sinh; tổ Văn; tổ Anh văn; tổ Sử, Địa, Công dân; tổ Thể dục, quốc phòng;

+ 01 Tổ Văn phòng;

- Biên chế được giao đầu năm: 80 biên chế chính thức và 02 hợp đồng; cuối năm: 79 biên chế chính thức và 02 hợp đồng;

- Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trưng Vương được giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính cùng với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo, ổn định từ năm 2013-2015 theo Quyết định số 1736/QĐ.UBND ngày 26/10/2012 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

+ Tổng quỹ lương thực hiện năm 2014 : 4.120.701.616đ

+ Thu nhập tăng thêm : 70.550.000đ

+ Thu nhập bình quân người/tháng : 4.259.402đ

**PHẦN II : KẾT QUẢ THANH TRA**

**A /Tổng hợp dự toán giao và quyết toán kinh phí năm 2014 (theo báo cáo):**

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Tổng số
<b>I. Kinh phí giao tự chủ (L490 - K 494)</b>	<b>7.821.371.946</b>
1. Kinh phí năm trước chuyển sang	7.496.946
2. Dự toán giao trong năm (kể cả bổ sung)	7.813.875.000
- Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên dùng để CCTL	30.000.000
3. Kinh phí được sử dụng trong năm	7.791.371.946
4. Kinh phí thực rút Kho bạc NN	7.810.636.474
5. Kinh phí đề nghị Quyết toán	7.810.636.474
6. Kinh phí còn chưa sử dụng chuyển năm sau	10.735.472
<b>II. Kinh phí không tự chủ (Loại 160-K167)</b>	<b>113.322.000</b>
1. Dự toán giao trong năm, trong đó:	113.322.000
- Cải tạo nhà vệ sinh, VP.Đoàn	109.887.000
- Thanh toán chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán VDT	3.453.000
2. Kinh phí được sử dụng trong năm	113.322.000
3. Kinh phí đề nghị quyết toán	113.322.000
4. Kinh phí còn chưa sử dụng hủy tại KBNN	0
<b>III. Nguồn thu phí, lệ phí</b>	<b>321.742.000</b>
1. Kinh phí năm trước chuyển sang	16.172.000
2. Thu trong năm	305.570.000
- Trong đó: 40% dùng để làm nguồn cải cách tiền lương	122.228.000
3. Kinh phí thực nhận kỳ này	183.342.000
4. Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	199.514.000
5. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	177.845.000
6. Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau	143.897.000

<b>IV. Nguồn thu khác (căn tin, nhà xe)</b>	<b>133.762.000</b>
1. Kinh phí năm trước chuyển sang	28.463.000
2. Thu trong năm (đã trừ thuế GTGT, TNDN, môn bài: 9.001.000đ)	105.299.000
- Trong đó: Trích 40% dùng để làm nguồn cải cách tiền lương (đơn vị không thực hiện)	42.119.600
4. Kinh phí được để lại bổ sung kinh phí hoạt động	63.179.400
5. Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	91.642.400
6. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	133.491.000
7. Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau	271.000

- Niên độ kế toán năm 2014 Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trưng Vương đã có Thông báo xét duyệt quyết toán số 1097/TB-SGDĐT ngày 13/8/2015 của Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long. Đến thời điểm thanh tra Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông (thuộc khối Sở Giáo dục & Đào tạo) chưa có thông báo xét duyệt quyết toán năm 2014 của Sở Tài chính.

**B/ Về quyết toán sử dụng kinh phí:**

**I. Số liệu tổng hợp quyết toán nguồn kinh phí NSNN cấp, nguồn thu phí và nguồn thu dịch vụ (căn tin, nhà xe) năm 2014:**

Đơn vị tính: đồng

Nhóm Mục	NỘI DUNG	Số liệu báo cáo QT năm 2014 của ĐV	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4 - 3
<b>I. Kinh phí tự chủ (Loại 490 - 494)</b>		<b>7.782.688.558</b>	<b>7.729.037.792</b>	<b>- 53.650.766</b>
<b>0129</b>	<b>Chi thanh toán cá nhân</b>	<b>7.273.877.794</b>	<b>7.248.195.028</b>	<b>- 25.682.766</b>
6000	Tiền lương	4.083.494.056	4.083.494.056	0
6050	Tiền công trả cho lao động theo HĐ	37.207.560	37.207.560	0
6100	Phụ cấp lương	1.933.625.893	1.907.943.127	- 25.682.766
6250	Phúc lợi tập thể	34.900.000	34.900.000	0
6300	Các khoản đóng góp	1.184.650.285	1.184.650.285	0
<b>0130</b>	<b>Chi về hàng hoá dịch vụ</b>	<b>469.956.764</b>	<b>441.988.764</b>	<b>- 27.968.000</b>
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	40.597.086	40.597.086	0
6550	Vật tư văn phòng	77.060.700	77.060.700	0
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	17.890.078	17.890.078	0
6700	Công tác phí	2.400.000	2.400.000	0
6750	Chi phí thuê mướn	8.521.000	8.521.000	0
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ CM, duy tu...	161.756.500	155.728.500	- 6.028.000
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn...	161.731.400	139.791.400	- 21.940.000
<b>0132</b>	<b>Các khoản chi khác</b>	<b>38.854.000</b>	<b>38.854.000</b>	<b>0</b>
7750	Chi khác	18.499.000	18.499.000	0
7850	Chi công tác đảng	20.355.000	20.355.000	0
<b>II. Kinh phí không chủ (Loại 160-K167)</b>		<b>113.322.000</b>	<b>113.322.000</b>	<b>0</b>
1	Cải tạo nhà vệ sinh, văn phòng Đoàn	109.887.000	109.887.000	0
2	Thanh toán chi phí thẩm tra QTVĐT	3.435.000	3.435.000	0

<b>III. Nguồn thu học phí được để lại</b>		<b>177.845.000</b>	<b>173.870.000</b>	<b>- 3.975.000</b>
6200	Tiền thưởng	47.545.000	47.145.000	- 400.000
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	600.000	600.000	0
6550	Vật tư văn phòng	16.434.000	16.434.000	0
6750	Chi phí thuê mượn	4.500.000	4.500.000	0
6900	Sửa chữa TS phục vụ công tác CM	27.690.000	24.115.000	- 3.575.000
7000	Chi phí NVCM của từng ngành	31.110.000	31.110.000	0
7750	Chi khác	49.966.000	49.966.000	0
<b>IV. Thu dịch vụ (căn tin, nhà xe)</b>		<b>133.491.000</b>	<b>88.101.400</b>	<b>- 45.389.600</b>
6400	Các khoản T/toán khác cho cá nhân	70.550.000	28.430.400	- 42.119.600
6700	Công tác phí	24.470.000	24.470.000	0
7000	Chi phí NVCM của từng ngành	2.400.000	2.400.000	0
7750	Chi khác	36.071.000	32.801.000	- 3.270.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.207.346.558</b>	<b>8.104.331.192</b>	<b>- 103.015.366</b>

Chênh lệch giữa số kiểm tra so với số báo cáo của đơn vị giảm, tổng số tiền: 103.015.366đ (năm 2013, 2015 Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra những nội dung năm 2014 phát hiện có sai phạm).

**Nguyên nhân chênh lệch: Chi sai nguyên tắc và chế độ QLTC, tổng số tiền: 103.015.366đ, trong đó:**

**1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp, tổng số tiền: 53.650.766đ**

a/ Mục 6100 - Phụ cấp ưu đãi theo nghề, số tiền: 25.682.766đ

- Chi thanh toán tiền phụ cấp ưu đãi (30%) đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy sai quy định, số tiền: 24.992.766đ

Căn cứ Điểm c, Mục 1, Phần I Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập, quy định: "*Cán bộ quản lý thuộc biên chế trả lương của các cơ sở giáo dục công lập, trực tiếp giảng dạy đủ số giờ theo quy định của cấp có thẩm quyền*".

Tại Điều 7 Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, quy định:

"1. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường phổ thông có nhiệm vụ giảng dạy một số tiết để nắm được nội dung, chương trình giáo dục và tình hình học tập của học sinh nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý.

2. Hiệu trưởng dạy 2 tiết/tuần. Phó hiệu trưởng dạy 4 tiết/tuần."

Theo quy định trên thì định mức tiết dạy đối với Hiệu trưởng là 74 tiết/năm học (2tiết/tuần x 37 tuần/năm học). Thực tế năm học 2013-2014, Hiệu trưởng trực tiếp giảng dạy 11 tiết, thiếu 63 tiết nhưng vẫn hưởng phụ cấp ưu đãi, số tiền: 20.781.489đ; năm học 2014-2015 Hiệu trưởng trực tiếp giảng dạy 6 tiết, thiếu 68 tiết nhưng hưởng phụ cấp ưu đãi số tiền: 25.113.003đ.

Như vậy việc Hiệu trưởng không trực tiếp giảng dạy đủ số tiết theo quy định nhưng vẫn hưởng phụ cấp ưu đãi (30%), sai quy định, số tiền: 45.894.522đ (năm học 2013-2014, số tiền: 20.781.489đ; năm học 2014-2015, số tiền: 25.113.003đ).

- Chi trả phụ cấp trách nhiệm cho phụ trách kế toán cao hơn quy định, số tiền: 690.000đ

Căn cứ khoản 1, Điều 16 của Thông tư liên tịch số 163/2013/TTLT-BTC-BNV ngày 15/11/2013, quy định "Người được bố trí phụ trách kế toán ở các đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều 2 và Điểm a Khoản 2 Điều 2 của Thông tư liên tịch này được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc là 0,1 so với mức lương cơ sở". Thực tế đơn vị chỉ là 0,2. Đoàn thanh tra tính lại: 06 tháng x 0,1 x 1.150.000đ/tháng = 690.000đ. Chênh lệch giảm số tiền: 690.000đ (690.000đ - 1.380.000đ).

- Chi trả phụ cấp ưu đãi theo nghề y tế (20%) năm 2015 sai quy định, số tiền 3.532.800đ, cụ thể:

Chi trả phụ cấp ưu đãi theo nghề y tế (20%) cho 01 đối tượng đang nghỉ hưởng chế độ thai sản sai quy định, số tiền: 3.532.800đ, cụ thể: Từ tháng 03 đến tháng 5/2015, số tiền: 1.697.400đ (03 tháng x 565.800đ/tháng). Từ tháng 6 đến tháng 8/2015, số tiền 1.835.400đ (03 tháng x 611.800đ/tháng).

Căn cứ Khoản 4 Điều 3, Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, quy định thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề y tế: "Thời gian nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội".

b/ Mục 6900- Sửa chữa tài sản: Chi thanh toán mua sắm, sửa chữa tài sản, lợp lưới lan sân trường, qua xác minh có một số nội dung chi thực tế không phát sinh, số tiền: 6.028.000đ. Cụ thể:

- Chuyển khoản thanh toán số 07 ngày 13/6/2014, tiền sửa chữa hệ thống điện phục vụ hội đồng thi tốt nghiệp THPT năm học 2013-2014, số tiền 36.224.000đ. Qua kiểm tra xác minh thực tế ngày 19/4/2016, không phát sinh nội dung sửa chữa, vệ sinh 06 bộ máy ĐH (nhà trường không có máy ĐH), số tiền: 5.610.000đ (06 bộ x 935.000đ/bộ).

- Chuyển khoản thanh toán số 16 ngày 26/8/2014, chi phí lợp lưới lan sân trường, số tiền 18.666.000đ. Qua kiểm tra xác minh thực tế không phát sinh mua 01 cao cấp, số tiền: 418.000đ.

Cùng nội dung lợp lưới lan sân trường, nhà trường cũng đã thanh toán với Hội phụ huynh học sinh số tiền: 16.639.920đ. Chứng từ thanh toán là phiếu thu ngày 19/8/2014, không có hợp đồng kinh tế, biên bản nhiệm thu, không thanh lý hợp đồng, không có hóa đơn tài chính. Đây là sự thỏa thuận giữa Hội phụ huynh học sinh với nhà trường. Thanh tra Sở Tài chính đã kiến nghị Chi Cục thuế thành phố Vĩnh Long xác minh làm rõ số thuế phải nộp của Cty TNHH MTV TM.DV Minh Tân, qua xác minh Công ty TNHH Minh Tân chưa khai báo nộp thuế số tiền 1.512.720đ. Ngày 23/5/2016 Cty TNHH Minh Tân đã khắc phục nộp vào KBNN số tiền 2.089.066đ (đã bao gồm tiền nộp chậm 576.346đ).

Tương tự năm 2014, năm 2015 đơn vị đã chi thanh toán tiền mua sắm, sửa chữa tài sản số tiền: 8.179.338đ nhưng thực tế không phát sinh mua sắm sửa chữa. Cụ thể Chuyển khoản số 15 ngày 29/6/2015, thanh toán chi phí bảo trì sửa chữa chống đột dẫy văn phòng, nhà vệ sinh giáo viên, sửa chữa thay quạt phòng tin học, phòng giáo viên, số tiền: 19.950.000đ. Qua kiểm tra, xác minh thực tế ngày 19/4/2016, không phát sinh các nội dung mua sắm, sửa chữa, số tiền: 8.179.338đ, gồm:

+ Chống đột văn phòng, nhà vệ sinh giáo viên số tiền: 6.397.338đ (bao gồm tiền mua tôn, silicôn, đinh vít phụ kiện và chi phí nhân công).

+ Sửa chữa, thay quạt phòng tin học và phòng giáo viên, số tiền: **1.782.000đ** (sửa 04 cây quạt trần D1200, số tiền 550.000đ (04 cây x 137.500đ/cây), thay mới 01 cây quạt treo tường B4, số tiền 401.500đ, thay mới 01 cây quạt trần D1200, số tiền 830.500đ.

*Như vậy:* trong hai năm 2014, 2015 đơn vị đã chi thanh toán tiền mua sắm, sửa chữa tài sản nhưng thực tế không phát sinh, số tiền: **14.207.338đ** (năm 2014, số tiền: 6.028.000đ, năm 2015, số tiền: 8.179.338đ), theo biên bản xác minh ngày 19/4/2016.

**c/ Mục 7000 – Chi phí nghiệp vụ chuyên môn, số tiền: 21.940.000đ**

- **Sử dụng hóa đơn tài chính để thanh toán tiền mua 4.175 quyển tập, với số tiền: 18.290.000đ.**

Theo báo cáo số 22 ngày 21/3/2016 của đơn vị, năm học 2013-2014, đơn vị đã tiếp nhận số lượng tập vở từ các tổ chức và cá nhân hỗ trợ là **4.306** quyển. Đơn vị đã sử dụng trong năm: **3.565** quyển (gồm phát thưởng sơ kết học kỳ 1: 920 quyển, phát thưởng tổng kết năm học: 2.585 quyển, sử dụng mục đích khác: 60 quyển) chưa sử dụng chuyển năm sau: **795** quyển. Tương tự năm học 2014-2015, đơn vị tiếp nhận tổng số: **5.970** quyển đã sử dụng: **3.810** quyển (gồm phát thưởng học kỳ 1, tổng kết năm học...), chưa sử dụng chuyển năm sau: **2.955** quyển. Do số lượng tập, vở tiếp nhận từ các mạnh thường quân và các tổ chức, cá nhân còn tồn rất nhiều nên năm 2014, 2015 nhà trường không có nhu cầu mua tập, vở.

Tuy nhiên qua kiểm tra Mục 7000 - chi phí nghiệp vụ chuyên môn, đoàn thanh tra nhận thấy năm 2014 đơn vị đã mua một số lượng lớn: **4.175** quyển tập, vở với tổng số tiền: **18.290.000đ**, cụ thể tại 02 hoá đơn bán hàng: số 68326 ngày 20/1/2014, số lượng: **1.590** quyển, số tiền: **7.950.000đ** (giấy chuyển khoản số 12 ngày 24/1/2014 nội dung "Tập phát thưởng lễ sơ kết học kỳ I năm học 2013-2014") và hoá đơn số 10117 ngày 24/5/2014, số lượng: **2.585** quyển tập, số tiền: **10.340.000đ** (giấy chuyển khoản số 6 ngày 17/6/2014, nội dung "Tập phát thưởng lễ tổng kết năm học 2013-2014").

Tiếp tục kiểm tra năm 2015, đơn vị chi thanh toán tiền mua: **2.710** quyển tập, vở, số tiền: **13.550.000đ**, cụ thể tại hoá đơn số 23677 ngày 25/5/2015 (giấy chuyển khoản số 12 ngày 02/6/2015, nội dung "Tập phát thưởng lễ tổng kết năm học 2014-2015").

Ngày 21/3/2016, Cô Nguyễn Thị Hồng Vân (người ký tên người mua hàng trên hóa đơn) giải trình như sau: *"...Tôi không mua tập và cũng không nhận tập nên không biết ai giao hàng. Hàng tháng kế toán yêu cầu phải ký hóa đơn tại phòng kế toán để hợp thức hóa hồ sơ quyết toán, thừa lệnh cấp trên nên tôi phải ký. Kế toán nói tôi phụ trách hành chính nên tôi phải ký mới đúng quy định, do bị áp lực tôi phải ký nếu không kế toán báo Hiệu trưởng..."*

Báo cáo giải trình ngày 24/3/2016 của cô Trần Hoàng Trúc – Phụ trách kế toán trường: *"...Việc mua văn phòng phẩm, tập phát thưởng cho học sinh, gói phần thưởng cho học sinh, danh sách học sinh nhận thưởng đều do bộ phận văn thư (Cô Nguyễn Thị Hồng Vân) phụ trách. Nhà trường đã giao cho bộ phận văn thư phụ trách vấn đề đó, cho nên khi văn thư gửi chứng từ thanh toán, kế toán kiểm tra chứng từ hợp lệ thì kế toán chuyên khoản thanh toán. Bộ phận kế toán không trực tiếp kiểm tra số lượng: 4.175 tập năm 2014 và 2.710 quyển tập năm 2015 giao cho trường lúc nào đồng thời không trực tiếp kiểm tra ai là người giao hàng, ai là nhận hàng..."*

Tại biên bản làm việc ngày 25/3/2016 giữa đoàn thanh tra và Ông Lê Mai Ánh, nguyên hiệu trưởng Trường THCS - THPT Trưng Vương, Ông Ánh giải trình như sau: *"...Tất cả các nội dung chi các bộ phận quản lý đề xuất lên tôi cho chủ trương mua tập*

do cô Vân đề xuất miệng (do cô Vân chịu trách nhiệm quản lý nội dung này). Nếu có mua tập về phải có người giao, người nhận và nhập vào kho. Lúc đó tôi sơ suất không kiểm tra việc quản lý của các bộ phận. Tôi không nắm được là có mua hay không...”

Như vậy, qua thuyết minh, giải trình của nguyên Hiệu trưởng, Phụ trách kế toán và tổ văn phòng, Đoàn thanh tra nhận thấy năm 2014, 2015 thực tế đơn vị đã không mua số lượng lớn 4.175 quyển tập, vở như đã nêu trên với tổng số tiền **31.840.000đ** (trong đó năm 2014: 18.290.000đ, năm 2015: 13.550.000đ) để phát thưởng cho học sinh như nội dung ghi trong chứng từ thanh toán vì **toàn bộ số tập vở phát thưởng trong năm, đơn vị đã sử dụng từ nguồn vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ** (theo báo cáo). Mặt khác Hiệu trưởng thuyết minh có cho chủ trương mua tập nhưng không nắm được có mua hay không. Phụ trách kế toán thì nói văn thư là người được giao mua tập, khi gửi chứng từ thanh toán kế toán kiểm tra hợp lệ thì chuyển khoản thanh toán, văn thư thì khẳng định không mua, không nhận tập, không biết người giao, người nhận...

**- Chi thanh toán tiền bồi dưỡng cho ban chỉ đạo ôn thi học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2013 - 2014 không có trong quy định và không xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, số tiền: 3.650.000đ.**

Tại Giấy chuyển khoản thanh toán số 08 ngày 14/7/2014, số tiền 11.550.000đ, trong đó chi tiền bồi dưỡng ôn thi học sinh giỏi cho ban chỉ đạo ôn thi học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2013-2014, không có trong quy định, số tiền: **3.650.000đ**.

Căn cứ khoản 2 phần VII, Thông tư liên tịch số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập “*Đối với những nội dung chi, mức chi cần thiết cho hoạt động của đơn vị, trong phạm vi xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành thì thủ trưởng đơn vị có thể xây dựng mức chi cho từng nhiệm vụ, nội dung công việc trong phạm vi nguồn tài chính của đơn vị*”. Như vậy đối với nội dung này thủ trưởng đơn vị không xây dựng mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ nhưng vẫn thực hiện chi là sai nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính.

**d/ Sử dụng nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên) để chi trả kinh phí công đoàn, đề nghị hoàn trả lại nguồn theo quy định, số tiền: 27.947.916đ**

Quyết định số 53/QĐ-SGDĐT ngày 14/01/2014 của Giám đốc Sở GD&ĐT Vĩnh Long, về việc giao dự toán thu - chi NSNN năm 2014 trong đó có kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL số tiền: 30.000.000đ. Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị đã sử dụng nguồn kinh phí này để chi trả kinh phí công đoàn sai quy định, số tiền: 27.947.916đ.

Tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 104/2013/TT-BTC ngày 02/8/2013 của Bộ Tài chính, quy định “...*không sử dụng phần kinh phí còn lại này cho các mục tiêu khác*”.

## **2. Nguồn thu học phí được để lại, số tiền: 3.975.000đ**

- Chi chuyển khoản thanh toán tiền khen thưởng cho giáo viên hoàn thành nhiệm vụ năm 2014, cao hơn mức chi tại Quyết định khen thưởng số tiền **400.000đ**. Cụ thể tại UNC số 01 ngày 19/11/2014 và UNC số 02 ngày 21/11/2014, trong đó: Quyết định khen thưởng số 50/QĐ-TV ngày 18/11/2014 mức khen thưởng: 150.000đ/người (8 người), thực tế đơn vị chuyển khoản thanh toán cho giáo viên: 200.000đ/người (8 người), chênh lệch: 400.000đ (50.000đ/người x 8 người).

- Chi thanh toán tiền căn lại dây cáp + lưới lan sân trường còn đang trong thời gian bảo hành, sai quy định số tiền: **3.575.000đ**.



### **3. Nguồn thu dịch vụ (cần tin, nhà xe), số tiền: 45.389.600đ**

- Không thực hiện trích 40% từ số thu hoạt động dịch vụ được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương, đề nghị hoàn trả lại nguồn theo quy định, số tiền 42.119.600đ.

Đơn vị thuyết minh: "*Năm 2014 Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long không chỉ đạo các trường thực hiện trích 40% từ số thu dịch vụ được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương, nên đơn vị đã sử dụng số tiền này để chi thu nhập tăng thêm năm 2014 cho CB, GV, CNV của Trường số tiền 42.119.600đ*".

Đơn vị báo cáo: năm 2013 đơn vị không trích 40% từ số thu hoạt động dịch vụ được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương số tiền: 44.798.000đ, đơn vị đã dùng số tiền này để chi thu nhập tăng thêm cho CB, GV, CNV của Trường. Riêng năm 2015 đơn vị có thực hiện trích 40% từ số thu dịch vụ được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương, số tiền 40.748.000đ.

*Như vậy, trong 02 năm 2013 và 2014 đơn vị đã không thực hiện trích 40% từ số thu hoạt động dịch vụ được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tổng số tiền: 86.917.600đ, đồng thời đã sử dụng số tiền này để chi thu nhập tăng thêm cho CB, GV, CNV của Trường (năm 2013: 44.798.000đ, năm 2014: 42.119.600đ) là sai quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 104/2013/TT-BTC ngày 02/8/2013 của Bộ Tài chính: "...không sử dụng phần kinh phí còn lại này cho các mục tiêu khác".*

Ngoài ra, trong Thông báo xét duyệt quyết toán kinh phí năm 2013, 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long không đề cập tới việc trích 40% từ số thu hoạt động dịch vụ được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định mà đã quyết toán cho đơn vị chi thu nhập tăng thêm năm 2013, 2014, tổng số tiền: 86.917.600đ (năm 2013: 44.798.000đ; năm 2014: 42.119.600đ) là sai với quy định của nhà nước.

- Chi liên hoan cho Bí thư Chi bộ từ nguồn thu dịch vụ được để lại, nội dung chi không có trong quy định của nhà nước và trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, sai quy định, số tiền 3.270.000đ, tại Phiếu chi số 07-DV ngày 29/3/2014.

### **II. Các khoản thu để ngoài sổ sách kế toán và báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 (theo báo cáo):**

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Cộng 3 năm
1	Số dư đầu năm	15.001.269	68.701.980	102.738.951	15.001.269
2	Số PS tăng trong năm	321.432.267	618.301.388	779.054.766	1.718.788.421
3	Số PS giảm trong năm	267.731.556	584.264.417	775.386.791	1.627.382.764
4	Số dư cuối năm	68.701.980	102.738.951	106.406.926	106.406.926

#### **Ghi nhận qua kiểm tra:**

Đơn vị thu để ngoài sổ sách kế toán và báo cáo tài chính 18 nguồn thu, trong đó: không lập phiếu thu, phiếu chi, Hiệu trưởng duyệt chi trực tiếp trên chứng từ (danh sách, hóa đơn, biên nhận, phiếu tính tiền, phiếu thu của bên bán...), không mở sổ sách kế toán để theo dõi, không phản ánh vào báo cáo tài chính; không công khai theo quy định.

Kế toán đơn vị thuyết minh lý do không phản ánh vào Báo cáo tài chính các nguồn thu khác là: "*do Hiệu trưởng không chỉ đạo đưa các nguồn thu này vào Báo cáo tài chính; kế toán chưa nắm vững các quy định nên chỉ đưa các nguồn thuộc ngân sách vào Báo cáo tài chính; kế toán nghĩ đây là nguồn tự thu, tự chi của đơn vị (không phải là nguồn ngân sách) nên không phản ánh vào báo cáo tài chính và nghĩ rằng Sở Giáo dục và Đào tạo cũng chưa bắt buộc đưa vào báo cáo tài chính*".

**Chi sai nguyên tắc và chế độ quản lý tài chính, số tiền: 229.271.226đ:**

**- Nguồn thu dạy thêm, học thêm, số tiền: 123.476.531đ**

+ Chi sửa chữa cơ sở vật chất không có giấy đề nghị sửa chữa, không có biên bản nghiệm thu, không có hóa đơn tài chính, chứng từ chi là phiếu thu của đơn vị thi công. Hiệu trưởng duyệt chi trực tiếp trên phiếu thu, thủ quỹ chi tiền, giáo viên được phân công phụ trách cơ sở vật chất không biết nội dung này, số tiền **30.867.000đ**, cụ thể: sửa chữa nhà vệ sinh học sinh năm 2014: 12.071.000đ, sửa chữa bàn ghế năm 2014: 18.796.000đ.

+ Chi thanh toán tiền sửa chữa 12 bộ quạt trần D1200 và mua 06 cây quạt treo tường B4 phục vụ hội đồng thi học kỳ 2, tổng số tiền: **3.090.000đ**, nhưng qua xác minh thực tế đơn vị không có sửa chữa 12 bộ quạt trần D1200 và không mua mới 06 cây quạt treo tường B4 như nội dung kê trong bảng tổng hợp chi phí đề nghị thanh toán (cụ thể tại hợp đồng kinh tế số 05.HDXL/2015 ngày 05/5/2015).

+ Chi liên hoan mừng công HS đầu tốt nghiệp năm học 2013-2014 và khai giảng năm học 2014-2015, số tiền: **12.138.000đ**, chứng từ thanh toán là **phiếu tính tiền**, số tiền 8.000.000đ và **biên nhận nhận tiền** của thủ quỹ, số tiền 4.138.000đ, không có hóa đơn tài chính. Nội dung chi không đúng quy định tại Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

+ Đơn vị thực hiện thu giảm chi cho điện, nước, hao mòn tài sản, sửa chữa cơ sở vật chất chưa đúng quy định, số tiền **77.381.531đ**. Cụ thể: *Năm 2013* theo quy định tại QĐ 06/2008/QĐ-UBND thì tỷ lệ phân phối cho điện, nước, hao mòn tài sản là (5%), số tiền là **11.182.525đ** (223.650.500đ x 5%) nhưng đơn vị không thực hiện. *Năm 2014* theo quy định tại QĐ 02/2014/QĐ-UBND thì tỷ lệ phân phối cho điện, nước, sửa chữa cơ sở vật chất là (15%), số tiền 58.661.100đ (391.074.000đ x 15%), đơn vị thực hiện là: 30.867.000đ, thiếu so với quy định số tiền **27.794.100đ**. *Năm 2015* theo quy định tại QĐ 02/2014/QĐ-UBND thì tỷ lệ phân phối cho điện, nước, sửa chữa cơ sở vật chất là (15%), số tiền 74.117.906đ (494.119.378đ x 15%), đơn vị thực hiện: 37.713.000đ, thiếu so với quy định: **38.404.906đ**.

- **Nguồn thanh lý tài sản, phế liệu, số tiền 330.000đ:** Đơn vị thu không hạch toán vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của nhà trường mà sử dụng để chi khen thưởng học sinh làm lồng đèn trung thu năm 2015 do giáo viên của Trường ký **nhận tiền trên sổ tay của Thủ quỹ**, không ghi ngày tháng năm, không có danh sách học sinh ký nhận tiền, số tiền 330.000đ.

**- Nguồn thu điện, nước căn tin, số tiền: 40.174.895đ**

+ Đơn vị đã sử dụng nguồn kinh phí ngân sách NN cấp (KP thực hiện tự chủ) để chi trả hộ tiền điện, nước cho căn tin, nhưng khi thu lại tiền điện, nước của căn tin đơn vị không hạch toán thu giảm chi nguồn kinh phí NSNN cấp theo quy định, tổng số tiền chi trả hộ là **15.818.895đ** (năm 2013: 1.535.944đ, năm 2014: 6.039.569đ, năm 2015: 8.243.382đ).

+ Chi tiền quà tết năm 2013 (theo dõi trên sổ tay của thủ quỹ, nội dung chi không rõ ràng) không ghi ngày tháng năm, số tiền: **2.100.000đ**.

+ Chi sửa chữa cơ sở vật chất không có đề nghị sửa chữa, không có biên bản nghiệm thu, không có hóa đơn tài chính, chứng từ chi là phiếu thu của đơn vị thi công. Hiệu trưởng ký duyệt chi trực tiếp trên phiếu thu, giáo viên được phân công phụ trách cơ sở vật chất không biết nội dung này, số tiền **20.548.000đ** (trong đó có 01 chứng từ chi sửa chữa chống dột lớp học, qua xác minh thực tế, đơn vị không có sửa chữa, số tiền

2.965.000đ), tại các phiếu thu của công ty Minh Tân ngày 25/12/2013, 12/5/2014, 24/10/2014, 18/12/2014, 16/3/2015, 18/5/2015.

+ Chi mua hàng hóa...không có hóa đơn hoặc biên nhận của bên bán, chỉ có biên nhận tiền của Thủ quỹ và ký duyệt chi của Hiệu trưởng, số tiền **1.708.000đ**, tại các biên nhận của thủ quỹ ngày 26/3/2014, 15/4/2015.

- **Nguồn thu cho thuê cơ sở vật chất, số tiền: 6.200.000đ**: Trong năm 2014, đơn vị cho Công ty TNHH Cao Phong thuê phòng, số tiền: 6.200.000đ nhưng không sử dụng số tiền thu được để bù đắp một phần chi phí điện, nước và các chi phí khác có liên quan đến việc cho thuê phòng theo quy định mà sử dụng số tiền thu được để chi ăn uống, nội dung chi không rõ ràng (không có số lượng, đơn giá), chứng từ thanh toán không có hóa đơn tài chính, cụ thể: **phiếu tính tiền** ngày 31/12/2014, hóa đơn bán lẻ ngày 18/01/2015 và ngày 09/02/2015.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định: "*Cơ quan, tổ chức, đơn vị khi được sử dụng chung tài sản nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này phải trả cho cơ quan, tổ chức có tài sản một khoản kinh phí để bù đắp chi phí điện, nước, xăng dầu, nhân công phục vụ và các chi phí khác có liên quan ...*".

- **Nguồn thu hoa hồng BH thân thể, số tiền: 1.928.800đ**: Chi không có chứng từ, số tiền **1.652.000đ**, trong đó: chi hoa hồng cho giáo viên và thân nhân giáo viên năm 2013, số tiền 1.417.000đ, chi bồi dưỡng cho đại lý thu năm 2013, số tiền: 235.000đ; Chi không có nội dung chi, không có chứng từ chi năm 2013, số tiền **276.800đ** (theo báo cáo của đơn vị).

- **Nguồn thu dân phòng**, chi không đúng nội dung thu (chi mua ghế ngồi cho học sinh), không có hóa đơn tài chính, số tiền: **2.700.000đ**; **Nguồn thu tiền giấy thi**: thu, chi không có chứng từ, số tiền **5.082.000đ**, theo tường trình ngày 23/03/2016 của Bà Phạm Thị Kiều Hạnh, Nguyên Thủ quỹ Trường: "*...theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng tôi đã thu tiền giấy thi của các lớp mỗi em 6.000đ x 847 hs = 5.082.000đ. Sau khi nhận tiền từ GVCN tôi đã gửi qua Thầy Ánh, số tiền năm triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng. Do hồ sơ bị thất lạc tôi không đưa ra được danh sách thu tiền của học sinh, khi gửi tiền cho thầy Ánh Hiệu trưởng 5.082.000đ, tôi không làm biên nhận*".

- **Các nguồn thu khác, số tiền: 49.379.000đ**

+ **Nguồn thu văn nghệ, số tiền: 21.535.000đ**: Chi liên hoan, chi mua hàng hóa, thuê mướn khác không có hóa đơn hoặc biên nhận của bên bán, chỉ có biên nhận tiền của Kế toán, Thủ quỹ và giáo viên của Trường, Hiệu trưởng duyệt chi trực tiếp trên biên nhận, số tiền: **3.785.000đ**; Chi tiền cho đêm văn nghệ năm 2014, do giáo viên của Trường ký nhận trên sổ tay của Thủ quỹ, không ghi ngày tháng năm, không có chứng từ chi hoặc danh sách ký nhận tiền, số tiền: **12.187.000đ**; Chứng từ chi không có duyệt chi của Hiệu trưởng, số tiền: **5.563.000đ**.

+ **Nguồn thu quà tết, số tiền: 7.889.000đ**: Chi mua gạo, bánh...không có hóa đơn tài chính theo quy định, không có duyệt chi của Hiệu trưởng, không có danh sách ký nhận, số tiền: 7.889.000đ, tại 02 hóa đơn ngày 05/02/2015.

+ **Nguồn chữ thập đỏ, khuyến học, số tiền: 19.435.000đ**: Nội dung thu tiền của học sinh nhưng trường chi không đúng nội dung, không đúng mục đích quy định, không phục vụ cho hoạt động chữ thập đỏ, khuyến học của học sinh, số tiền: **14.295.000đ** (chi phụng dưỡng mẹ VNAH: 5.500.000đ; chi đám tang, mua quà mừng lễ công nhận trường dạy nghề số 9: 2.115.000đ; chi cho ban chỉ đạo, chi bồi dưỡng giáo viên ôn thi lại tốt

nghiệp: 3.080.000đ; chi bồi dưỡng làm công tác y tế học đường: 3.600.000đ); Chi mua hàng hóa, thuê mướn khác... không có hóa đơn hoặc biên nhận của bên thuê và bên bán. chỉ có biên nhận nhận tiền của Thủ quỹ, Kế toán và giáo viên của Trường, Hiệu trưởng ký duyệt chi trực tiếp trên biên nhận, số tiền: 5.140.000đ.

+ **Nguồn thu các đơn vị tặng, số tiền: 520.000đ:** Đơn vị thu không hạch toán vào nguồn thu khác mà sử dụng để chi mua quà dự lễ tại công an phường 9 và chi tiếp khách, không có hóa đơn hoặc biên nhận của bên bán, số tiền 520.000đ.

### **III. Chi chưa đảm bảo nguyên tắc tài chính, đề nghị đơn vị chấn chỉnh rút kinh nghiệm, số tiền: 1.035.822.695đ**

#### **1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, số tiền: 199.065.500đ**

##### **a/ Mục 6250 – Phúc lợi tập thể, số tiền: 34.900.000đ**

- Chi phí tết niên năm 2014, không có giấy đề nghị thanh toán, bảng dự trù kinh phí, số lượng người tham dự..., số tiền: 14.400.000đ tại CK số 11 ngày 23/01/2014.

- Chi thanh toán không có giấy đề nghị thanh toán, số tiền: 20.500.000đ, tại chuyển khoản số 20 ngày 24/4/2014, chi tiền lễ 30/4 và 1/5, số tiền 12.300.000đ; Chuyển khoản số 13 ngày 26/8/2014, chi tiền lễ 2/9, số tiền 8.200.000đ.

##### **b/ Mục 6550 - Vật tư văn phòng, số tiền: 2.400.000đ**

Tại Điều 10 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2014: khoản văn phòng phẩm cho 08 đối tượng gồm: kế toán, thủ quỹ, viên chức văn phòng, viên chức y tế, quản lý thư viện, quản lý thiết bị và 02 bảo vệ năm 2014 số tiền 1.440.000đ, năm 2015 số tiền 960.000đ. Kế toán đơn vị thuyết minh do sơ xuất trong việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nên còn thiếu một số đối tượng mà đoàn thanh tra đã nêu trên.

c/ **Mục 6900 – Sửa chữa tài sản, số tiền: 161.765.500đ:** Chi thanh toán tiền sửa chữa tài sản toàn bộ chứng từ thanh toán không có giấy đề nghị sửa chữa và giấy đề nghị thanh toán, số tiền 161.765.500đ, sai quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính và Điều 14 Quy chế chi tiêu nội bộ ngày 01/1/2014 của đơn vị: "...*khi có nhu cầu sửa chữa các tài sản trên phải làm đề nghị thông qua Hiệu trưởng duyệt đồng ý cho sửa chữa thì mới được thanh toán kèm theo hoá đơn, chứng từ hợp lệ*".

Mặt khác trong năm đơn vị chỉ cho sửa chữa thường xuyên tài sản cao hơn nhiều so với dự toán xây dựng đầu năm (dự toán XD đầu năm: 60.000.000đ, thực tế chi 161.765.500đ).

##### **2. Nguồn thu học phí được để lại, số tiền: 115.404.000đ**

- Chi mua văn phòng phẩm, vật tư phục vụ chuyên môn, mua sắm tài sản không có đề nghị mua sắm, không có giấy đề nghị thanh toán; chi không có giấy đề nghị thanh toán; chi thuê mướn cắt cỏ chứng từ chi kèm theo không đầy đủ chữ ký, giấy đề nghị thanh toán không có chữ ký của kế toán và duyệt chi của Hiệu trưởng; chi tiền bồi dưỡng cho Ban tổ chức và khen thưởng cho học sinh tham gia các cuộc thi không có Quyết định thành lập Ban Tổ chức, Quyết định khen thưởng... số tiền 101.904.000đ.

- Hạch toán sai mục lục NSNN, số tiền: 13.500.000đ: Chi mua máy vi tính xách tay đơn vị hạch toán vào mục 6550, tiểu mục 6552 - Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng, số tiền 13.500.000đ tại UNC số 01 ngày 22/8/2014. Hạch toán đúng mục 9050, tiểu mục 9062 – Thiết bị tin học.

##### **3. Nguồn thu dịch vụ (cần tin, nhà xe), số tiền: 11.675.000đ**

- Chi thanh toán tiền tiếp đoàn kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo đến làm việc tại đơn vị không có thông báo hoặc lịch làm việc kèm theo, hóa đơn thanh toán không thể

hiện rõ số lượng khách tiếp, số tiền 7.735.000đ, tại Phiếu chi số 11-DV ngày 12/5/2014, PC số 25-DV ngày 23/10/2014, PC số 26-DV ngày 06/11/2014.

- Chi thanh toán công tác phí, giấy đi đường không đóng dấu nơi đến công tác (công tác phí cho giáo viên coi thi tốt nghiệp THPT năm 2014 tại Hội đồng thi Phạm Hùng, Long Hồ từ ngày 31/5/2014 đến 04/6/2014), số tiền 3.740.000đ. Ngoài ra, một số giấy đi đường không ghi đầy đủ các thông tin như ngày tháng đi công tác, nơi đến công tác..., tại Phiếu chi số 30-DV ngày 12/12/2014.

#### **4. Nguồn thu khác để ngoài sổ sách kế toán, số tiền: 709.678.195đ**

- Giấy đề nghị thanh toán chưa đảm bảo nguyên tắc tài chính (nguồn chăm sóc SKBD), số tiền: 11.956.767đ, cụ thể: giấy đề nghị thanh toán phát sinh từ ngày 19/10/2012 đến ngày 13/9/2013, tổng số tiền 11.956.767đ (do Ông Lê Mai Ánh ký duyệt, thời gian này Bà Trần Thị Bích Ngọc là Hiệu trưởng nhà trường, Ông Lê Mai Ánh chưa về nhận nhiệm vụ tại trường). Lý do lúc phát sinh chứng từ thu, chi đơn vị không lập giấy đề nghị thanh toán. Đến tháng 12/2013 BHXH TP.Vĩnh Long quyết toán kinh phí yêu cầu đơn vị bổ sung giấy đề nghị thanh toán.

- Phiếu chi, chứng từ chi không đóng dấu người ký duyệt chi, số tiền: 111.502.908đ

Nguồn hoa hồng BHYT, số tiền 15.712.408đ; Nguồn dạy thêm học thêm, số tiền: 47.755.000đ; Nguồn ôn thi tốt nghiệp THPT, số tiền 28.042.500đ; Nguồn điện nước căn tin, số tiền: 121.000đ; Nguồn khen thưởng, số tiền: 1.100.000đ; Nguồn chữ thập đỏ, khuyến học, số tiền: 6.400.000đ; Nguồn thanh lý tài sản, phế liệu, số tiền: 8.735.000đ; Nguồn các đơn vị tặng, số tiền 517.000đ; Nguồn trích lệ phí tuyển sinh năm 2015, số tiền: 1.320.000đ; Nguồn dân phòng, số tiền: 1.800.000đ, nguồn khen thưởng 1.100.000đ.

- Chi không lưu giữ chứng từ nhưng đơn vị đã bổ sung giấy xác nhận nhận tiền của VC, giáo viên ngày 02/4/2016, 04/4/2016, 05/4/2016, 11/4/2016, 12/4/2016, 13/4/2016, 24/4/2016 số tiền: 545.727.320đ, cụ thể: Nguồn hoa hồng BHYT, số tiền: 1.980.000đ; Nguồn dạy thêm học thêm, số tiền: 480.800.720đ; Nguồn ôn thi tốt nghiệp THPT, số tiền: 53.879.000đ; Nguồn văn nghệ, số tiền: 3.470.000đ; Nguồn trích lệ phí tuyển sinh ĐH, CĐ, TCCN, số tiền: 597.600đ; Nguồn dân phòng, số tiền: 5.000.000đ.

- Chứng từ chi (danh sách giáo viên nhận tiền) không ngày tháng năm và chi không có chứng từ với tổng số tiền: 1.428.200đ, cụ thể: Nguồn ôn thi tốt nghiệp THPT, số tiền: 941.000đ; Nguồn trích lệ phí tuyển sinh ĐH, CĐ, TCCN, số tiền: 487.200đ.

- Chi sửa chữa cơ sở vật chất không có giấy đề nghị sửa chữa (nguồn dạy thêm học thêm), tổng số tiền: 33.123.000đ, cụ thể: sửa chữa bàn ghế phục vụ HĐ thi học kỳ 2 năm học 2014-2015: 18.796.000đ; sửa chữa điện, nước phục vụ HĐ thi học kỳ 2 năm học 2014-2015: 14.327.000đ.

- Chi mua ghế ngồi cho học sinh không có hóa đơn tài chính của bên bán, không đóng dấu người ký duyệt, số tiền: 5.940.000đ, tại phiếu tính tiền ngày 26/12/2013, 05/9/2014.

#### **IV/ Về thanh toán BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn:**

- Năm 2014 đơn vị đã chuyển khoản thanh toán tiền cho cơ quan BHXH TPVL và Công đoàn ngành Giáo dục thừa số tiền: 14.025.960đ, trong đó: BHXH, BHYT, BHTN, thừa số tiền: 25.229.295đ, kinh phí CĐ thiếu số tiền: 11.203.335đ. cụ thể:

+ Khấu trừ thừa (1%) BHTN của Hiệu trưởng, số tiền 1.045.593đ.

+ Trích nộp thừa (1%) BHTN từ NSNN để đóng BHTN cho thủ trưởng đơn vị (Hiệu trưởng), số tiền: 1.045.593đ.

+ Nộp thừa BHXH, BHYT, BHTN khấu trừ của người LĐ (10.5%) số tiền: 706.720đ (Số phải khấu trừ người LĐ: 503.229.000đ; Số đã nộp cho cơ quan BHXH TPVL: 503.935.720đ).

+ Trích nộp 22% cho BHXH TPVL thừa số tiền: 22.431.389đ (Số phải trích nộp: 1.055.529.744đ; Số đã nộp cho cơ quan BHXH TPVL: 1.077.961.133đ).

+ Chuyển khoản thanh toán (2%) kinh phí công đoàn cho Công đoàn ngành Giáo dục thiếu số tiền: 11.203.335đ (Số phải thanh toán: 96.052.303đ, Số đã chuyển khoản thanh toán: 84.848.968đ).

**Nguyên nhân:**

Theo quy định tại Công văn số 84/BHXH-PT ngày 16/10/2013 của BHXH tỉnh V/v trả tiền đóng bảo hiểm thất nghiệp cho đối tượng công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thì Hiệu trưởng trường không thuộc đối tượng phải đóng BHTN.

Do hàng tháng kế toán khấu trừ BHXH, BHYT, BHTN của người LĐ (10,5%) và trích nộp (22% BHXH, BHYT, BHTN) từ NSNN chưa đúng, dẫn đến chuyển khoản thanh toán cho cơ quan BHXH TPVL thừa số tiền: 25.229.295đ.

Do hàng tháng kế toán tính kinh phí công đoàn bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH nhưng không cộng phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo dẫn đến nộp thiếu số tiền: 11.203.335đ.

- Theo Thông báo số 01/TB-BHXH ngày 13/02/2015 của BHXH TPVL về kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN đến hết tháng 1/2015, thì năm 2014 đơn vị nộp thừa số tiền: 29.129.538đ. Nguyên nhân do hàng tháng khi chuyển khoản thanh toán tiền BHXH, BHYT, BHTN cho cơ quan BHXH TPVL, đơn vị không đối chiếu tổng quỹ tiền lương tăng, giảm trong tháng do tăng lương, phụ cấp thâm niên, nghỉ thai sản...do đó cơ quan BHXH TPVL không cập nhật kịp thời, dẫn đến chênh lệch thừa nêu trên.

**V. Việc hạch toán nguyên giá TSCĐ, hao mòn TSCĐ, nguồn KP hình thành TSCĐ; việc chấp hành chế độ báo cáo, quản lý, sử dụng tài sản, công cụ dụng cụ:**

**1/ Hạch toán nguyên giá TSCĐ, hao mòn TSCĐ và nguồn KP đã hình thành TSCĐ; việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng TS, công cụ, dụng cụ:**

Căn cứ Báo cáo tài chính; Báo cáo tình hình TSCĐ năm 2014 (đơn vị đã điều chỉnh lại số liệu so với báo cáo ban đầu). Đoàn thanh tra ghi nhận như sau:

**BẢNG CHI TIẾT NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN, NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ NĂM 2014**

DVT: đồng

Nguyên giá TSCĐ (Hữu hình + vô hình)	Số liệu ở bảng CĐTK	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
- Số dư ĐK	5.767.803.823	5.767.803.823	0
- Số PS tăng	0	997.093.461	997.093.461
- Số PS giảm	0	1.259.388.955	1.259.388.955
- Số dư CK	5.767.803.823	5.505.508.329	-262.295.494
<b>Hao mòn TSCĐ</b>	<b>Số liệu ở bảng CĐTK</b>	<b>Số liệu kiểm tra</b>	<b>Chênh lệch</b>
- Số dư ĐK	4.285.977.934	4.020.437.146	-265.540.788
- Số PS tăng	364.164.702	290.259.542	-73.905.160
- Số PS giảm	0	709.913.555	709.913.555
- Số dư CK	4.650.142.636	3.600.783.133	-1.049.359.503

<b>Nguồn KP đã HTTSCĐ</b>	<b>Số liệu ở bảng CĐTK</b>	<b>Số liệu kiểm tra</b>	<b>Chênh lệch</b>
- Số dư ĐK	1.481.825.889	1.747.366.677	265.540.788
- Số PS tăng	0	997.093.461	997.093.461
- Số PS giảm	364.164.702	839.734.942	475.570.240
- Số dư CK	1.117.661.187	1.904.725.196	787.064.009

Nguyên nhân chênh lệch giữa số kiểm tra so với số báo cáo của đơn vị:

**\* Nguyên giá TSCĐ:**

- Số phát sinh tăng: chênh lệch tăng số tiền: 997.093.461đ, do kế toán không hạch toán tăng TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng công trình: cải tạo nâng cấp Trường trung học cấp 2-3 Trưng Vương, năm 2013, số tiền: 887.206.000đ và hạng mục cải tạo nhà vệ sinh, văn phòng Đoàn năm 2014, số tiền: 109.887.461đ.

- Số phát sinh giảm: chênh lệch giảm số tiền: 1.259.388.955đ, do kế toán không chuyển những TSCĐ không đủ tiêu chuẩn sang theo dõi, quản lý, sử dụng như công cụ, dụng cụ lâu bền theo quy định tại Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 29/5/2008 của Bộ Tài chính.

**\* Hao mòn TSCĐ:**

- Số dư đầu kỳ: chênh lệch giảm số tiền: 265.540.788đ, do kế toán đơn vị tính hao mòn lũy kế qua các năm chưa đúng.

- Số phát sinh tăng: chênh lệch giảm số tiền 73.905.160đ, do Đoàn thanh tra hạch toán giảm giá trị hao mòn của một số TSCĐ không đủ tiêu chuẩn sang theo dõi công cụ, dụng cụ lâu bền.

- Số phát sinh giảm: chênh lệch tăng số tiền: 709.913.555đ, do Đoàn thanh tra giảm hao mòn lũy kế của một số TSCĐ không đủ tiêu chuẩn chuyển sang theo dõi công cụ, dụng cụ lâu bền.

**\* Nguồn KP HTTSCĐ:** Do chênh lệch về nguyên giá TSCĐ và giá trị hao mòn của TSCĐ như đã nêu trên, dẫn đến số dư đầu kỳ, số phát sinh tăng trong kỳ, số phát sinh giảm trong kỳ và số dư cuối kỳ của nguồn KP đã hình thành TSCĐ cũng tăng, giảm giá trị tương ứng.

**2/ Việc quản lý sử dụng và hạch toán TSCĐ, CCDC:** đơn vị chưa thực hiện đúng quy định, cụ thể:

- Chưa chuyển những TSCĐ không đủ tiêu chuẩn sang theo dõi, quản lý, sử dụng như công cụ, dụng cụ lâu bền theo quy định tại Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 29/5/2008 của Bộ Tài chính; Chưa thực hiện việc hạch toán TK 005 (công cụ, dụng cụ lâu bền) vào tài khoản ngoài bảng trong bảng cân đối tài khoản năm 2014.

- Chưa thực hiện hạch toán ghi tăng TSCĐ do mua sắm; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐ hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, cụ thể:

+ Mua máy vi tính xách tay hiệu Lenovo ngày 22/8/2014, số tiền 13.500.000đ, đến năm 2015 đơn vị mới hạch toán ghi tăng tài sản vào trong báo cáo tình hình TSCĐ năm 2015.

+ Cải tạo nâng cấp trường trung học cấp 2-3 Trưng Vương, năm 2013, số tiền 887.206.000đ tại Quyết định số 490/QĐ-STC ngày 17/11/2014 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long, v/v phê duyệt quyết toán dự án công trình hoàn thành; Cải tạo nhà vệ sinh, văn phòng Đoàn, năm 2014, số tiền 109.887.461đ, tại Quyết định số 35/QĐ-STC ngày 03/02/2015 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long, v/v phê duyệt quyết toán dự án công trình hoàn thành.

3/ Việc chấp hành chế độ báo cáo, quản lý và sử dụng tài sản: đơn vị chưa thực hiện chế độ báo cáo, quản lý và sử dụng tài sản theo đúng quy định như: Chưa ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn số 608/HD.STC ngày 08/9/2010 của Sở Tài chính Vĩnh Long; Chưa thực hiện chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/6/2010 của Bộ Tài chính.

4/ Về xác định giá trị quyền sử dụng đất: Qua kiểm tra đơn vị chưa thực hiện việc xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 29/2006/TT-BTC ngày 04/4/2006 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006 của Chính phủ về xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

**VI. Việc quản lý, theo dõi tài khoản tiền mặt, tiền gửi Kho bạc năm 2014:**

**1. Tài khoản tiền mặt (TK 111):**

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số PS tăng trong năm	Số PS giảm trong năm	Số dư cuối năm
1	Nguồn KP NSNN cấp	0	43.677.000	43.677.000	0
2	Nguồn thu học phí được để lại	0	317.359.000	317.359.000	0
3	Nguồn thu dịch vụ (cần tin, nhà xe)	28.463.000	114.300.000	142.492.000	271.000

- Sổ quỹ tiền mặt của kế toán: cuối năm mới in ra khóa sổ, không khóa sổ vào cuối mỗi tháng và cuối mỗi quý, không lập biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt, không đóng dấu giáp lai theo quy định.

- Sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ: Nguồn dịch vụ cần tin, nhà xe khóa sổ vào cuối mỗi tháng, không khóa sổ cuối mỗi ngày, cuối quý và cuối năm theo quy định; nguồn KP NS cấp, nguồn học phí được để lại: khóa sổ cuối mỗi quý, không khóa sổ cuối mỗi ngày, cuối tháng và cuối năm, không ghi số hiệu chứng từ thu, chi vào sổ quỹ tiền mặt và không đóng dấu giáp lai, sổ quỹ mở không đúng mẫu theo quy định.

Việc thực hiện quản lý sổ quỹ tiền mặt như trên của đơn vị là chưa đúng quy định của Luật Kế toán năm 2003 và Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.

**2. Tài khoản tiền gửi Kho bạc (TK 112):**

Theo báo cáo ngày 12/3/2016, đơn vị có mở các tài khoản tiền gửi Kho bạc sau:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số PS tăng trong năm	Số PS giảm trong năm	Số dư cuối năm
<b>I</b>	<b>Tài khoản 3712.2.1004314.00000: TK tiền gửi học phí</b>				
1	- Cân đối tài khoản	16.172.000	305.570.000	177.845.000	143.897.000
2	- Đơn vị báo cáo (Đối chiếu KB)	16.172.000	307.295.000	179.570.000	143.897.000
3	- Chênh lệch (1-2)	0	- 1.725.000	- 1.725.000	
<b>II</b>	<b>Tài khoản 3751.0.1004314.00000: TK tiền gửi công đoàn</b>				
	- Đơn vị báo cáo, chi tiết:	0	117.195.672	117.195.672	0
	+ KP công đoàn ngành cấp	0	41.799.260	41.799.260	0
	+ 2% BHXH giữ lại chi trả thai sản	0	49.788.100	49.788.100	0
	+ KP CSSKBD 2013-2014	0	25.608.312	25.608.312	0



- Tài khoản tiền gửi số 3712.2.1004314.00000: Đơn vị có mở sổ theo dõi TK tiền gửi, hàng tháng có xác nhận số dư TK với Kho bạc NN, có phản ánh vào bảng cân đối tài khoản của Báo cáo tài chính năm 2014. Tuy nhiên, số liệu trên sổ tiền gửi và bảng cân đối TK không khớp với số liệu đối chiếu Kho bạc NN, nguyên nhân do đơn vị rút tiền chi khen thưởng cho tập thể Lao động xuất sắc số tiền 1.725.000đ (số tiền khen thưởng này do quỹ khen thưởng của tỉnh chi trả) nhưng khi nộp trả lại vào tài khoản tiền gửi không phản ánh vào bảng CĐTK dẫn đến chênh lệch trên.

- Tài khoản tiền gửi số 3751.0.1004314.00000: Đơn vị không mở sổ tiền gửi để theo dõi, hàng tháng không xác nhận số dư tài khoản tiền gửi với Kho bạc NN theo quy định.

### **PHẦN III: NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN**

Qua thanh tra tại đơn vị, Thanh tra Sở Tài chính nhận thấy:

Đơn vị chấp hành tương đối tốt chính sách và chế độ của Nhà nước. Kế toán đã phối hợp với Đoàn thanh tra trong việc cung cấp chứng từ kế toán, thuyết minh phục vụ cho công tác thanh tra. Đơn vị đã áp dụng tin học vào công tác kế toán, hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái. Tuy nhiên qua kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán thực tế tại đơn vị đoàn thanh tra ghi nhận một số mặt hạn chế sau đây:

#### **1. Về Báo cáo tài chính:**

- Báo cáo tài chính chưa phản ánh đầy đủ các nguồn kinh phí ngân sách NN cấp như sửa chữa thường xuyên TSCĐ (Loại 160 - K167), số tiền 109.887.000đ; Không phản ánh vào báo cáo tài chính các khoản thu khác (15 nguồn thu để ngoài sổ sách kế toán) trong các năm 2013, 2014, 2015 với tổng số tiền: 1.671.246.421đ.

- Bảng cân đối tài khoản chưa phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình tăng, giảm nguyên giá TSCĐ, hao mòn TSCĐ và nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ; Chưa thực hiện việc hạch toán TK 005 (công cụ, dụng cụ lâu bền) vào tài khoản ngoài bảng trong bảng cân đối tài khoản năm 2014.

- Số liệu tài khoản tiền gửi (TK 3712.2.1004314.00000) đơn vị phản ánh chưa chính xác vào Bảng cân đối tài khoản; TK tiền gửi số 3751.0.1004314.00000, không mở sổ để theo dõi, không có xác nhận số dư tài khoản tiền gửi với Kho bạc NN hàng tháng theo quy định.

#### **2. Về sổ sách kế toán:**

- Số phiếu thu, phiếu chi nguồn học phí để lại và nguồn dịch vụ (cần tin, nhà xe) không khớp với số phiếu thu, phiếu chi phản ánh trên sổ quỹ tiền mặt và sổ chi tiết kinh phí hoạt động.

- Không mở sổ sách kế toán để theo dõi và quản lý các khoản thu khác (15 nguồn thu khác) theo quy định.

- Đơn vị không lập biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt cuối mỗi năm, sổ quỹ tiền mặt của kế toán cuối năm mới in ra để lưu, không đóng dấu giáp lai ... là chưa đúng quy định của Luật Kế toán năm 2003 và Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.

#### **3. Về chứng từ kế toán:**

- Đối với các nguồn kinh phí NSNN cấp giao tự chủ, nguồn thu học phí và thu dịch vụ: chỉ không có giấy đề nghị thanh toán; chỉ mua sắm, sửa chữa không có đề nghị

mua sắm, sửa chữa; chi khen thưởng cao hơn mức của Quyết định khen thưởng; chi không đúng nội dung quy định; chi không có chứng từ; chứng từ thanh toán không đầy đủ các chữ ký,...

- Mua văn phòng phẩm phục vụ công tác chuyên môn nhưng kế toán không mở sổ theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Đối với các nguồn thu, chi khác (đề ngoài sổ sách kế toán và báo cáo tài chính) không có sự kiểm soát của kế toán, không lập phiếu thu, phiếu chi, Hiệu trưởng ký duyệt trực tiếp trên chứng từ thanh toán (phiếu thu, hóa đơn bán hàng, phiếu tính tiền...) sai nguyên tắc và chế độ quản lý tài chính. Công tác lưu trữ tài liệu, chứng từ thiếu chặt chẽ, Hiệu trưởng không chỉ đạo kế toán quản lý tập trung, lưu trữ theo quy định tại Điều 40 Luật Kế toán năm 2003, mà giao thủ quỹ và các bộ phận khác trực tiếp quản lý dẫn đến thất lạc tài liệu, chứng từ.

#### **PHẦN IV: KIẾN NGHỊ - XỬ LÝ**

Để khắc phục những tồn tại đối với công tác quản lý tài chính tại đơn vị trong thời gian qua, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính, từng bước đưa công tác quản lý tài chính vào nề nếp, thực hiện đúng Luật ngân sách, chế độ quản lý tài chính.

Từ kết quả thanh tra nêu trên, Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long kiến nghị, xử lý như sau:

##### **1. Đối với Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long:**

1.1. Cần tăng cường công tác quản lý về chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra công tác quản lý tài chính tại đơn vị, phát hiện xử lý, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm trong công tác quản lý tài chính thời gian qua.

1.2. Chủ trì phối hợp với Trường THCS và THPT Trung Vương kiểm điểm làm rõ trách nhiệm đối với nguyên Hiệu trưởng, phụ trách kế toán và các cá nhân khác có liên quan đến **tình nội dung sai phạm**, dẫn đến việc các khoản thu đề ngoài sổ sách kế toán và báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 số tiền 1.718.788.421đ, các khoản chi đề ngoài sổ sách kế toán số tiền 1.627.382.764đ; đồng thời **chỉ sai nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính**, tổng số tiền: 336.330.886đ, đề nghị xem xét quy trách nhiệm bồi thường thu hồi nộp vào ngân sách Nhà nước.

1.3. Kiểm điểm làm rõ trách nhiệm đối với chuyên viên quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (trực tiếp chuyên quản Trường): Chưa thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí NSNN cấp và các nguồn thu khác tại Trường từ đó dẫn đến việc quản lý tài chính của Trường có nhiều sai phạm như đã nêu ở phần II.

1.4. Chỉ đạo Trường THCS và THPT Trung Vương thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị xử lý của Thanh tra Sở Tài chính đã nêu trong Kết luận thanh tra.

##### **2. Đối với Trường THCS và THPT Trung Vương:**

2.1. Chấp hành nghiêm Luật kế toán, Chế độ kế toán hiện hành được ban hành tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 và các Thông tư hướng dẫn bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc quản lý tài chính tại đơn vị; khóa sổ sách kế toán theo đúng quy định; mở sổ theo dõi tiền gửi kho bạc, phản ánh chính xác số liệu tài khoản tiền gửi trên bảng cân đối tài khoản; điều chỉnh số phiếu thu, phiếu chi trên sổ sách

kế toán đúng khớp với sổ chứng từ kế toán; điều chỉnh sổ sách kế toán chi tiết khớp đúng với bảng cân đối tài khoản, khớp với báo cáo tài chính; hạch toán vào sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính tất cả các khoản thu, chi khác; ghi chép, quản lý, lưu trữ, bảo quản tài liệu kế toán theo qui định hiện hành; thực hiện công khai tài chính theo quy định; chứng từ kế toán, sử dụng hóa đơn tài chính, chấm dứt việc thanh toán không có chứng từ, mua sắm hàng hóa vật tư... giá trị lớn không sử dụng hóa đơn tài chính. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm những khoản chi chưa đảm bảo nguyên tắc tài chính đã nêu tại Kết luận thanh tra, số tiền: **1.035.822.695đ**.

2.2. Hoàn trả lại nguồn cải cách tiền lương tổng số tiền: **114.865.516đ**, gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2014 dùng để CCTL (đơn vị sử dụng sai quy định chi trả kinh phí công đoàn), số tiền: 27.947.916đ; không trích 40% từ số thu dịch vụ theo quy định, mà sử dụng hết số tiền này để chi thu nhập tăng thêm cho GV, CNV của Trường với tổng số tiền là: 86.917.600đ.

2.3. Thu hồi và nộp vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra Sở Tài chính mở tại KBNN tỉnh Vĩnh Long (số hiệu TK: 3941.0.9043201.00000) tổng số tiền chi sai nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính: **336.330.886đ**, trong đó:

- Nguồn kinh phí NSNN cấp (KP tự chủ), số tiền: **99.814.660đ**, gồm: chi phụ cấp ưu đãi 30% sai quy định: 45.894.522đ; chi phụ cấp kế toán sai quy định: 690.000đ; chi phụ cấp ưu đãi nghề y tế sai quy định: 3.532.800đ; chi sửa chữa không có phát sinh: 14.207.338đ; sử dụng hóa đơn tài chính thanh toán tiền mua tập nhưng thực tế không phát sinh: 31.840.000đ; bồi dưỡng ban chỉ đạo ôn thi học sinh giỏi không có quy định: 3.650.000đ.

- Nguồn thu học phí, số tiền **3.975.000đ**, gồm: chi khen thưởng cao hơn quyết định khen thưởng: 400.000đ; chi phí căn lại dây cáp + lưới lan trong thời gian bảo hành: 3.575.000đ.

- Nguồn dịch vụ căn tin, nhà xe: chi liên hoan Bí thư chi bộ không có trong quy định và quy chế chi tiêu nội bộ: **3.270.000đ**

- Nguồn thu khác đề ngoài sổ sách kế toán, chi sai chế độ quản lý tài chính số tiền **229.271.226đ**.

2.4. Về hạch toán giá trị quyền sử dụng đất: Đề nghị đơn vị lập hồ sơ gửi Sở Giáo dục & Đào tạo đề Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Sở Tài chính (Phòng Quản lý giá và Công sản) xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 29/2006/TT-BTC ngày 04/4/2006 của Bộ Tài chính; Bổ sung quy chế quản lý và sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn tại mục VI phần III của Hướng dẫn số 608/HD.STC ngày 08/9/2010 (hiện nay là Hướng dẫn số 1049/HD.STC ngày 21/9/2015); Bổ sung TK 005 (công cụ, dụng cụ lâu bền) vào bảng cân đối tài khoản năm 2014. Hạch toán điều chỉnh số liệu báo cáo tài chính năm 2014 theo bảng báo cáo tình hình TSCĐ năm 2014 đã được đơn vị rà soát điều chỉnh lại.

2.5. Thu hồi, hạch toán vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị nguồn thu thanh lý tài sản từ bán phế liệu theo quy định, số tiền 8.822.500đ.

2.6. Liên hệ cơ quan BHXHTP.VL và Công đoàn ngành Giáo dục để kiểm tra, đối chiếu số tiền BHXH đã nộp thừa năm 2014: 25.229.295đ; thoái thu tiền BHTN đơn vị đã nộp thừa cho cơ quan BHXHTP.VL số tiền: 2.091.078đ (trong đó: khấu trừ thừa 1% của Hiệu trưởng, số tiền 1.045.593đ; trích nộp thừa 1% BHTN từ NSNN để đóng BHTN cho Hiệu trưởng, số tiền: 1.045.593đ); tiếp tục nộp cho Công đoàn ngành Giáo dục phần kinh phí công đoàn còn nộp thiếu năm 2014, số tiền: 11.203.335đ.

2.7. Đối với các nguồn thu tiền của học sinh không có quy định của Nhà nước: nguồn thu dân phòng, thu tiền giấy thi, thu ghế học sinh đầu cấp còn tồn đến hết ngày 31/12/2015, tổng số tiền: 5.270.000đ, đơn vị đã bàn giao cho Ban Đại diện CMHS Trường quản lý theo kiến nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long. Đề nghị đơn vị chấn chỉnh rút kinh nghiệm, đồng thời chấm dứt việc thu các nguồn thu này.

## 2/ Đối với Phòng Tài Chính HCSN – Sở Tài chính:

- Cần tham mưu cho Lãnh đạo Sở Tài chính trong việc hướng dẫn, kiểm tra QLTC tại đơn vị nhằm thực hiện tốt các chủ trương chính sách chế độ về QLTC của nhà nước. Khẩn trương quyết toán kinh phí của ngành Giáo dục từ năm 2011 đến nay, Sở Tài chính chưa có thông báo xét duyệt quyết toán.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở có văn bản nhắc nhở các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc trích, quản lý và sử dụng nguồn cải cách tiền lương đúng quy định.

- Phối hợp hướng dẫn kiểm tra giúp đơn vị thực hiện các kiến nghị xử lý về mặt tài chính đã nêu tại Kết luận thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra của Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long đối với công tác quản lý và quyết toán tài chính tại đơn vị Trường THCS và THPT Trung Vương trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long.

Đề nghị Ban Giám hiệu Trường THCS và THPT Trung Vương chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các kiến nghị xử lý của Thanh tra Sở Tài chính và sau 15 ngày kể từ ngày công bố kết luận thanh tra tại đơn vị, đơn vị có báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện gửi về Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long (Thanh tra Sở Tài chính) để có kế hoạch kiểm tra. Thực hiện niêm yết kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của đơn vị ít nhất là 15 ngày liên tục theo quy định tại khoản 3b - Điều 46 - Nghị định 86/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ.

Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long thực hiện công khai kết luận thanh tra bằng hình thức đưa lên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: <http://stc.vinhlong.gov.vn/>.

### Nơi nhận:

- Đơn vị được thanh tra (thực hiện);
- Sở GD&ĐT tỉnh VL (chỉ đạo TH);
- TT.UBND tỉnh VL;
- Thanh tra BTC;
- Thanh tra Tỉnh VL;
- BGĐ.STC;
- P.TCHCSN - STC (p/hợp);
- Lưu: VP, TTra.

**CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Văn Đức

**Phụ lục 01: CÁC KHOẢN THU ĐỀ NGOÀI SỔ SÁCH  
KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013, 2014, 2015**

(Kèm theo Kết luận TT số: 36./KL.TTr ngày 09./5/2016  
của Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long)

ĐVT: đồng

Nguồn thu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
<b>1. Nguồn thu Chăm sóc sức khỏe ban đầu</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	3.435.269	8.052.260	22.632.943
- Tổng thu trong năm	21.954.758	25.608.312	30.135.888
- Tổng chi trong năm, gồm:	17.337.767	11.027.629	49.978.931
+ Chi mua trang thiết bị, thuốc y tế	9.945.764	7.223.572	16.544.831
+ Chi mua văn phòng phẩm	380.000	438.000	395.000
+ Khám sức khỏe cho học sinh	0	0	4.640.000
+ Nước uống, dụng cụ y tế, DC vệ sinh	7.012.003	3.366.057	28.399.000
- Tồn chuyển sang năm sau	8.052.260	22.632.943	2.790.000
<b>2. Nguồn thu hoa hồng Bảo hiểm y tế</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	2.727.720	7.813.008
- Tổng thu trong năm	6.753.609	11.585.376	0
- Tổng chi trong năm (chi hoa hồng cho GV thu và làm công tác quyết toán)	4.025.889	6.500.088	7.812.320
- Tồn chuyển sang năm sau	2.727.720	7.813.008	688
<b>3. Nguồn thu hoa hồng bảo hiểm thân thể</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	0	9.000
- Tổng thu trong năm	13.075.800	19.680.000	20.790.000
- Tổng chi trong năm, gồm:	13.075.800	19.671.000	20.230.000
+ Chi hoa hồng cho GV thu và quyết toán	12.799.000	15.465.000	20.230.000
+ Chi mua văn phòng phẩm	0	1.869.000	0
+ Chi mua nước uống	0	1.092.000	0
+ Chi hỗ trợ Công đoàn, chi khác	276.800	1.245.000	0
- Tồn chuyển sang năm sau	0	9.000	569.000
<b>4. Nguồn thu dạy thêm, học thêm (từ 01/10/2013-31/12/2015)</b>			
- Tồn kỳ trước chuyển sang	0	19.945.500	152.500
- Tổng thu trong năm	223.650.500	391.074.000	494.119.378
- Tổng chi trong năm, gồm:	203.705.000	410.867.000	458.647.640
+ Chi quản lý	24.782.073	59.743.680	54.700.470
+ Chi cho GV trực tiếp dạy thêm	178.922.927	308.118.320	368.234.170
+ Chi sửa chữa điện, nước, CSVC	0	30.867.000	35.713.000
+ Chi liên hoan	0	12.138.000	0
- Tồn chuyển sang năm sau	19.945.500	152.500	35.624.238
<b>5. Nguồn thu ôn thi tốt nghiệp THCS-THPT</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	0	0
- Tổng thu trong năm	0	78.100.000	160.160.000
- Tổng chi trong năm, gồm:	0	78.100.000	160.133.500
+ Chi quản lý	0	9.760.000	12.200.000
+ Chi cho GVCN và GV ôn thi	0	66.970.000	130.708.500
+ Chi GV coi thi, chấm thi thi TN	0	1.370.000	3.125.000
+ Mua sắm tài sản, công cụ DC	0	0	14.100.000
- Tồn chuyển sang năm sau	0	0	26.500

<b>6. Nguồn thu điện, nước cần tin</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	101.500	463.000
- Tổng thu trong năm	9.281.000	12.183.500	15.196.000
- Tổng chi trong năm, gồm:	9.179.500	11.822.000	6.534.000
+ Chi tiếp khách	0	991.000	0
+ Chi sửa chữa CSVC	4.960.000	10.831.000	4.757.000
+ Chi tiền nước uống	0	0	1.777.000
+ Chi quà tết, chi cho GV	4.219.000	0	0
- Tồn chuyển sang năm sau	101.500	463.000	9.125.000
<b>7. Nguồn thu cho thuê cơ sở vật chất</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	0	3.649.500
- Tổng thu trong năm	0	6.200.000	0
- Tổng chi trong năm (chi liên hoan, ăn uống)	0	2.550.500	3.649.500
- Tồn chuyển sang năm sau	0	3.649.500	0
<b>8. Nguồn thu văn nghệ</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	0	568.000
- Tổng thu trong năm	0	14.955.000	18.215.000
- Tổng chi trong năm, gồm:	0	14.387.000	18.708.000
+ Chi phục vụ văn nghệ	0	12.187.000	12.358.000
+ Chi liên hoan, hỗ trợ văn nghệ	0	2.200.000	300.000
+ Chi mua sắm công cụ, dụng cụ	0	0	6.050.000
- Tồn chuyển sang năm sau	0	568.000	75.000
<b>9. Nguồn thu quà tết</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	0	0
- Tổng thu trong năm	0	0	10.460.000
- Tổng chi trong năm, gồm:	0	0	8.489.000
+ Chi mua gạo	0	0	7.889.000
+ Chi khen thưởng văn nghệ cho học sinh	0	0	600.000
- Tồn chuyển sang năm sau	0	0	1.971.000
<b>10. Nguồn thu khen thưởng</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	920.000	5.445.000
- Tổng thu trong năm	920.000	4.525.000	0
- Tổng chi trong năm (chi hỗ trợ công đoàn tiệc khai giảng năm học 2015-2016)	0	0	1.100.000
- Tồn chuyển sang năm sau	920.000	5.445.000	4.345.000
<b>11. Nguồn thu chữ thập đỏ, khuyến học (từ 26/9/2013-31/12/2015)</b>			
- Tồn kỳ trước chuyển sang	6.566.000	22.736.000	35.596.000
- Tổng thu trong năm	21.600.000	22.320.000	23.082.000
- Tổng chi trong năm, gồm:	5.430.000	9.460.000	15.168.000
+ Chi khen thưởng GV	4.900.000	0	0
+ Chi đám tang, mua quà dự lễ	500.000	1.000.000	615.000
+ Chi hỗ trợ cho học sinh, BD, hỗ trợ khác	0	8.020.000	8.893.000
+ Chi phụng dưỡng mẹ VNAH		0	5.500.000
+ Chi nước uống, tiếp khách, CP khác...	30.000	440.000	160.000
- Tồn chuyển sang năm sau	22.736.000	35.596.000	43.510.000

<b>12. Nguồn thu thanh lý tài sản, phế liệu</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	3.429.000	7.640.000
- Tổng thu trong năm	3.429.000	4.211.000	1.512.500
- Tổng chi trong năm, gồm:	0	0	9.079.000
+ Chi mua vận phòng phẩm	0	0	8.603.000
+ Chi hỗ trợ, chi phí khác	0	0	476.000
- Tồn chuyển sang năm sau	3.429.000	7.640.000	73.500
<b>13. Nguồn thu các đơn vị tăng</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	0	0
- Tổng thu trong năm	0	0	3.500.000
- Tổng chi trong năm, gồm:	0	0	1.037.000
+ Chi nước uống, tiếp khách	0	0	817.000
+ Chi mua quà dự lễ	0	0	220.000
- Tồn chuyển sang năm sau	0	0	2.463.000
<b>14. Nguồn thu hoa hồng nước uống</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	0	0
- Tổng thu trong năm (không có chứng từ thu)	0	0	564.000
- Tổng chi trong năm	0	0	0
- Tồn chuyển sang năm sau	0	0	564.000
<b>15. Nguồn thu hoa hồng lệ phí tuyển sinh Đại học, Cao đẳng, TCCN</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	0	0	0
- Tổng thu trong năm	597.600	487.200	1.320.000
- Tổng chi trong năm (chi GV làm c/tác thu)	597.600	487.200	1.320.000
- Tồn chuyển sang năm sau	0	0	0
<b>16. Các khoản thu của học sinh không có quy định của Nhà nước</b>			
<b>16.1. Nguồn thu dân phòng</b>			
- Tồn năm trước chuyển sang	5.000.000	9.530.000	18.680.000
- Tổng thu trong năm	17.830.000	18.600.000	0
- Tổng chi trong năm, gồm:	13.300.000	9.450.000	13.500.000
+ Chi trực dân phòng	13.300.000	6.750.000	13.500.000
+ Chi mua ghế	0	2.700.000	0
- Tồn chuyển sang năm sau	9.530.000	18.680.000	5.180.000
<b>16.2. Nguồn thu ghế ngồi học sinh đầu cấp (từ 01/10/2013-31/12/2015)</b>			
- Tồn kỳ trước chuyển sang	0	1.260.000	90.000
- Tổng thu trong năm	2.340.000	3.690.000	0
- Tổng chi trong năm (chi mua ghế)	1.080.000	4.860.000	0
- Tồn chuyển sang năm sau	1.260.000	90.000	90.000
<b>16.3. Nguồn thu tiền giấy thi</b>			
- Tồn kỳ trước chuyển sang	0	0	0
- Tổng thu trong năm	0	5.082.000	0
- Tổng chi trong năm	0	5.082.000	0
- Tồn chuyển sang năm sau	0	0	0